

Số: /2025/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng và phạm vi phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng bệnh;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng và phạm vi phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

Điều 1. Danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng phải sử dụng vắc xin bắt buộc và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
1	Bệnh viêm gan vi rút (bắt buộc đối với bệnh viêm gan vi rút B)	Vắc xin viêm gan B đơn giá	Trẻ sơ sinh	- Tiêm một lần cho trẻ sơ sinh (liều sơ sinh) trong vòng 24 giờ sau khi sinh. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiêm sớm cho trẻ sơ sinh ngay khi có thể trong vòng 28 ngày sau khi sinh.
		Vắc xin phối hợp có chứa thành phần viêm gan B	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng ^(*) sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau: + Đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1.

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
				Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. + Đối với trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. Tiêm lần 3: ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 2.
2	Bệnh lao phổi	Vắc xin lao	Trẻ em	- Tiêm một lần cho trẻ trong vòng 1 tháng sau khi sinh. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiêm 1 lần ngay khi có thể trước khi trẻ đủ 12 tháng tuổi.
3	Bệnh bạch hầu	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần bạch hầu	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau: + Đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2 + Đối với trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. Tiêm lần 3: ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 2.
			Trẻ em	- Tiêm nhắc lại lần 1 khi trẻ đủ 18 tháng tuổi. - Trường hợp tiêm chủng nhắc lại lần 1 không đúng theo lịch thì tiêm

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
				nhắc lại lần 1 khi trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên cách ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 3 và trước khi trẻ đủ 4 tuổi.
		Vắc xin phối hợp có chứa thành phần bạch hầu giảm liều	Trẻ em	- Tiêm nhắc lại lần 2 khi trẻ đủ 7 tuổi. - Trường hợp tiêm chủng nhắc lại lần 2 không đúng theo lịch thì tiêm nhắc lại lần 2 khi trẻ từ 7 tuổi trở lên cách ít nhất 4 năm sau tiêm nhắc lại lần 1.
4	Bệnh ho gà	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần ho gà	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch: + Đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. + Đối với trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. Tiêm lần 3: ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 2.
			Trẻ em	- Tiêm nhắc lại khi trẻ đủ 18 tháng tuổi. - Trường hợp tiêm chủng nhắc lại không đúng theo lịch thì tiêm nhắc lại khi trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên cách ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 3 và trước khi trẻ đủ 4 tuổi.

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
5	Bệnh uốn ván	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần uốn ván	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau: + Đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi - Tiêm lần 1: ngay khi có thể. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. + Đối với trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên - Tiêm lần 1: ngay khi có thể. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 2.
			Trẻ em	- Tiêm nhắc lại lần 1 khi trẻ đủ 18 tháng tuổi. - Trường hợp tiêm chủng nhắc lại lần 1 không đúng theo lịch thì tiêm nhắc lại lần 1 khi trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên cách ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 3 và trước khi trẻ đủ 4 tuổi.
			Trẻ em	- Tiêm nhắc lại lần 2 khi trẻ đủ 7 tuổi. - Trường hợp tiêm chủng nhắc lại lần 2 không đúng theo lịch thì tiêm nhắc lại lần 2 khi trẻ từ 7 tuổi trở lên cách ít nhất 4 năm sau tiêm nhắc lại lần 1.
		Vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai	Phụ nữ có thai	1. Đối với người chưa tiêm hoặc chưa tiêm đủ 3 lần vắc xin có chứa thành phần uốn ván liều cơ bản (<i>là các liều tiêm trước khi đủ 1 tuổi</i>), hoặc không rõ tiền sử tiêm vắc xin:

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
				- Tiêm lần 1: tiêm sớm khi có thai. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: kỳ có thai lần sau và ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 2. - Tiêm lần 4: kỳ có thai lần sau và ít nhất 1 năm sau tiêm lần 3. - Tiêm lần 5: kỳ có thai lần sau và ít nhất 1 năm sau tiêm lần 4. 2. Đối với người đã tiêm đủ 3 lần vắc xin có chứa thành phần uốn ván liều cơ bản: - Tiêm lần 1: tiêm sớm khi có thai. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: kỳ có thai lần sau và ít nhất 1 năm sau tiêm lần 2. 3. Đối với người đã tiêm đủ 3 lần vắc xin có chứa thành phần uốn ván liều cơ bản và 1 liều nhắc lại: - Tiêm lần 1: tiêm sớm khi có thai. - Tiêm lần 2: kỳ có thai lần sau và ít nhất 1 năm sau tiêm lần 1. 4. Đối với người đã tiêm đủ 3 lần vắc xin có chứa thành phần uốn ván liều cơ bản và 2 liều nhắc lại: tiêm sớm 1 lần khi có thai. Trong tất cả 4 tình huống nêu trên, mũi tiêm sau cùng trước ngày dự kiến sinh tối thiểu 2 tuần.
6	Bệnh bại liệt	Vắc xin bại liệt uống	Trẻ em	- Uống lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi. - Uống lần 2: ít nhất 1 tháng sau uống lần 1. - Uống lần 3: ít nhất 1 tháng sau uống lần 2. - Trường hợp uống vắc xin không đúng theo lịch thì tiến hành như sau:

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
				Uống lần 1: ngay khi có thể. Uống lần 2: ít nhất 1 tháng sau uống lần 1. Uống lần 3: ít nhất 1 tháng sau uống lần 2.
		Vắc xin bại liệt tiêm	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 5 tháng tuổi. - Tiêm lần 2: khi trẻ đủ 9 tháng tuổi. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau: Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: khi trẻ từ 9 tháng tuổi trở lên và cách ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1.
7	Bệnh do Haemophilus influenzae týp b	Vắc xin Haemophilus influenzae týp b đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần Haemophilus influenzae týp b	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi. - Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau: + Đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. Tiêm lần 3: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 2. + Đối với trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên đến dưới 18 tháng tuổi: Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 1 tháng sau tiêm lần 1. Tiêm lần 3: ít nhất 6 tháng sau tiêm lần 2. + Đối với trẻ từ 18 tháng tuổi: tiêm 1 lần ngay khi có thể nếu trẻ chưa được tiêm chủng vắc xin này và trước khi trẻ đủ 5 tuổi.

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
8	Bệnh sởi	Vắc xin sởi đơn giá	Trẻ em	- Tiêm khi trẻ đủ 9 tháng tuổi. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiêm ngay khi có thể.
		Vắc xin phối hợp có chứa thành phần sởi	Trẻ em	- Tiêm nhắc lại khi trẻ đủ 18 tháng tuổi. - Trường hợp tiêm chủng nhắc lại không đúng theo lịch thì tiêm nhắc lại ngay khi có thể khi trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên cách lần tiêm vắc xin có chứa thành phần sởi trước đó ít nhất 1 tháng.
9	Bệnh Ru-bê-ôn (Bệnh rubella)	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần rubella	Trẻ em	- Tiêm khi trẻ đủ 18 tháng tuổi. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiêm ngay khi có thể khi trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên.
10	Bệnh viêm não vi rút (bắt buộc đối với bệnh viêm não Nhật Bản)	Vắc xin viêm não Nhật Bản	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 1 tuổi. - Tiêm lần 2: 1 - 2 tuần sau tiêm lần 1. - Tiêm lần 3: 1 năm sau tiêm lần 1. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau: + Tiêm lần 1: ngay khi có thể. + Tiêm lần 2: 1 - 2 tuần sau tiêm lần 1. + Tiêm lần 3: cách lần 1 ít nhất 1 năm và cách lần 2 ít nhất 1 tháng.
11	Bệnh tiêu chảy do vi rút Rota	Vắc xin Rota	Trẻ em	- Uống lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi - Uống lần 2: ít nhất 1 tháng sau uống lần 1. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau: Uống lần 1: ngay khi có thể khi trẻ từ 2 tháng tuổi trở lên. Uống lần 2: ít nhất 1 tháng sau uống lần 1 và trước khi trẻ đủ 6 tháng tuổi
12	Bệnh do phế cầu	Vắc xin phế cầu	Trẻ em	- Tiêm lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi. - Tiêm lần 2: ít nhất 2 tháng sau tiêm lần 1. - Trường hợp tiêm chủng không đúng theo lịch thì tiến hành như sau:

TT	Bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, đối tượng và độ tuổi, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng	Độ tuổi, lịch tiêm chủng
				+ Đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi. Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 2 tháng sau tiêm lần 1. + Đối với trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi chưa tiêm vắc xin phế cầu trước đó thì tiêm 2 liều: Tiêm lần 1: ngay khi có thể. Tiêm lần 2: ít nhất 2 tháng sau tiêm lần 1. + Đối với trẻ từ 24 tháng tuổi trở lên chưa tiêm vắc xin phế cầu trước đó thì tiêm 1 liều ngay khi có thể và trước khi trẻ đủ 5 tuổi.

(*) Khoảng cách giữa các lần tiêm chủng mỗi 1 tháng được tính ít nhất là 28 ngày.

Điều 2. Danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch và đến vùng có dịch

1. Danh mục bệnh truyền nhiễm và vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc phải sử dụng đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch và đến vùng có dịch:

TT	Tên bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, sinh phẩm y tế
1	Bệnh bạch hầu	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần bạch hầu, huyết thanh kháng độc tố bạch hầu
2	Bệnh bại liệt	Vắc xin bại liệt hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần bại liệt
3	Bệnh ho gà	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần ho gà
4	Bệnh Ru-bê-ôn (Bệnh rubella)	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần rubella
5	Bệnh sởi	Vắc xin sởi đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần sởi
6	Bệnh tả	Vắc xin tả

TT	Tên bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, sinh phẩm y tế
7	Bệnh viêm não vi rút (bắt buộc đối với bệnh viêm não Nhật Bản)	Vắc xin viêm não Nhật Bản
8	Bệnh dại	Vắc xin dại, huyết thanh kháng dại
9	Bệnh cúm	Vắc xin cúm
10	Bệnh COVID-19	Vắc xin phòng COVID-19

2. Việc xác định đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch và đến vùng có dịch thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định hoặc theo hướng dẫn của Bộ Y tế tùy theo tình hình dịch.

Điều 3. Phạm vi sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc

1. Phạm vi sử dụng vắc xin bắt buộc thuộc danh mục quy định tại Điều 1 Thông tư này được triển khai toàn quốc cho trẻ em, phụ nữ có thai trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, trừ vắc xin phế cầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phạm vi sử dụng vắc xin phế cầu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030 và nguồn lực của trung ương, địa phương.

3. Phạm vi sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định hoặc theo hướng dẫn của Bộ Y tế tùy theo tình hình dịch.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư số 10/2024/TT-BYT ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng và phạm vi phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã được thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Phòng bệnh; Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (qua Cục Phòng bệnh) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PB, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Liên Hương